

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt;
- Nước thải sản xuất (nước thải từ hoạt động xử lý bụi, khí thải lò sấy (từ phòng xử lý ướt)).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng xả nước thải tối đa 1,2 m³/ngày đêm, được xử lý bằng hầm tự hoại tại cơ sở.
- Nước thải sản xuất (nước thải từ hoạt động xử lý bụi, khí thải lò sấy (từ phòng xử lý ướt)): Được thu gom, lắng, lọc để tái sử dụng hoàn toàn cho công đoạn xử lý bụi, khí thải lò sấy, không xả ra môi trường.

2.2. Dòng nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Thu gom vào hầm tự hoại xử lý, không xả ra môi trường. Khi chất thải trong hầm tự hoại đầy chủ cơ sở sẽ hợp đồng đơn vị có chức năng bơm hút đi xử lý theo quy định.
- Nước thải sản xuất: Tái sử dụng hoàn toàn cho công đoạn xử lý bụi, khí thải lò sấy, không xả ra môi trường.

2.3. Chất lượng nước thải trước khi tái sử dụng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn (Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT)
1	pH	-	5,5 – 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
3	Nhiệt độ	°C	40

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt khoảng 1,2 m³/ngày đêm được thu gom vào 1 hầm tự hoại để xử lý. Khi chất thải trong hầm tự hoại đầy chủ cơ sở sẽ hợp đồng đơn vị có chức năng bơm hút đi xử lý theo quy định.

- Nước thải sản xuất: Nước thải (hay dung dịch vôi loãng) rơi lại từ công trình xử lý bụi, khí thải 8 lò sấy: Được thu gom vào hồ tuần hoàn lắng, lọc trước khi đưa vào ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn sử dụng tuần hoàn, không xả ra môi trường. Ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn là ao đất có ống cấp nước bổ sung nhưng nước không chảy vào sông. Nước được chứa tại ao này không rò rỉ ra môi trường.

Cặn lắng (bùn) trong hồ tuần hoàn và trong ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn được định kỳ hàng tháng bơm lên vườn liên kề của chủ cơ sở làm phân bón cho cây trồng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: 1 hầm tự hoại 3 ngăn, thể tích 6 m³.

- Nước thải sản xuất: Nước rơi lại từ hoạt động dùng nước xử lý bụi, khí thải lò sấy lúa được thu gom vào hồ tuần hoàn cho lắng, lọc sau đó đưa vào ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn sử dụng tuần hoàn, không xả bỏ. Định kỳ khoảng 2 – 3 ngày 1 lần hoặc khi bổ sung thêm nước vào ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn, chủ cơ sở dùng giấy quỳ kiểm tra pH trong nước ở ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn, nếu pH ≥ 8 sẽ sử dụng tiếp, nếu pH dưới 8 sẽ bổ sung thêm vôi nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý khí thải lò sấy lúa. Lượng vôi sử dụng mỗi lần được xác định bằng cách kiểm tra độ pH qua giấy quỳ, khoảng 10 kg/lần bổ sung, tương đương khoảng 1,0 tấn/năm.

Cặn lắng (bùn) trong hồ tuần hoàn và trong ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn được định kỳ hàng tháng bơm lên vườn liên kề của chủ cơ sở làm phân bón cho cây trồng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không có.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Hoạt động của cơ sở có phát sinh bụi, khí thải từ xuất nhập lúa, xay xát, sấy lúa,... nhưng được thu gom, xử lý trước khi thoát ra trong nhà xưởng, hoặc thoát ra môi trường qua lớp lưới lan, không có ống thoát.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

a. Hoạt động nhập nguyên liệu, xuất thành phẩm, phụ phẩm

- **Nhập lúa khô:**

Chủ cơ sở dùng vít tải, băng tải nhập lúa từ ghe hoặc sà lan lên bồn chứa lúa khô chuyên xay xát. Chủ cơ sở đã lắp đặt chụp hút, quạt hút để thu gom bụi tại điểm giao giữa vít tải, băng tải vào ballon, túi vải xử lý (**Cụm xử lý bụi 3**). Tại đây, đầu tiên dòng khí vào ballon lắng bụi có kích thước lớn, sau đó vào túi vải lọc bụi có kích thước nhỏ hơn, dòng khí sau lọc bụi qua túi vải thoát ra trong nhà xưởng. Tổng cộng có 2 ballon lắng bụi khô và 1 túi vải dài 4m, đường kính 0,35m.

- **Nhập lúa ướt:** Chủ cơ sở dùng vít tải, băng tải để nhập lúa ướt; quá trình nhập lúa ướt phát sinh bụi không lớn, Chủ cơ sở lắp đặt chụp hút, quạt hút để thu gom bụi tại điểm giao giữa vít tải, băng tải vào **hầm lắng bụi**. Hầm có diện tích khoảng 160 m²; dài 32m, rộng 5m, sâu 2,5m; vách xung quanh xây tường kín (mặt ngoài sông tận dụng bờ kè bê tông), sàn bê tông cốt thép, nền đất. Dòng khí sau lắng bụi thoát trong nhà xưởng qua các lỗ thoát khí (2 lỗ, dài 1m, rộng 0,4m) có che chắn bằng 2 lớp lưới lan.

- **Cân lúa ướt:** Bụi phát sinh được chụp hút, quạt hút thu gom vào ballon, túi vải lắng, lọc bụi (**Cụm xử lý bụi 1**). Tại đây đầu tiên dòng khí vào ballon lắng bụi có kích thước lớn, sau đó vào túi vải lọc bụi có kích thước nhỏ hơn, dòng khí sau lọc bụi qua túi vải thoát ra trong nhà xưởng. Tổng cộng có 1 ballon và 2 túi vải dài 4m, đường kính 0,35m.

- **Xuất lúa khô:** Chủ cơ sở dùng băng tải, gàu tải vận chuyển và xuất lúa khô sau sấy cho khách hàng hay chuyển lúa khô từ khu sấy sang chuyên xay xát. Tại nơi xả lúa lên băng tải, tại đầu giao giữa các đoạn băng tải, tại đầu giao giữa băng tải – gàu tải đều được lắp đặt chụp hút, quạt hút để thu gom bụi vào ballon, túi vải lọc bụi, dòng khí sau lọc bụi thoát ra trong nhà xưởng. Cụ thể:

+ Lúa khô sau sấy tại lò sấy 1 – 4: Đầu tiên lúa từ tháp sấy được xả xuống băng tải, toàn bộ băng tải này được bao che kín để hạn chế bụi phát tán.

+ Bụi tại đầu giao giữa các đoạn băng tải, bụi khi xả lúa từ 4 bồn chứa lúa khô sau sấy xuống băng tải, bụi tại nơi nạp lúa từ băng tải vào gàu tải được chụp hút, quạt hút thu gom vào 18 túi vải lọc bụi (**Cụm xử lý bụi 8**). Các túi vải giống nhau, mỗi túi có đường kính 0,4m và dài 3m. Bụi sau lọc qua túi vải thoát ra trong nhà xưởng.

+ Lúa khô sau sấy tại lò sấy 5 – 8: Đầu tiên lúa từ tháp sấy được xả xuống băng tải, bụi tại nơi xả lúa được chụp hút, quạt hút thu gom vào 1 ballon lắng bụi (**Cụm xử lý bụi 6**) sau đó vào **phòng lắng bụi khô 2** để tiếp tục lắng bụi trước khi thoát trong nhà xưởng.

+ Bụi tại đầu giao giữa các đoạn băng tải, bụi khi xả lúa từ 9 bồn chứa lúa khô sau sấy xuống băng tải, bụi tại nơi nạp lúa từ băng tải vào gàu tải được chụp hút, quạt hút thu gom vào ballon, túi vải lắng, lọc bụi (**Cụm xử lý bụi 7**). Tại đây, đầu tiên dòng khí vào ballon lắng bụi có kích thước lớn, sau đó vào túi vải lọc bụi có kích thước nhỏ hơn, dòng khí sau lọc bụi qua túi vải thoát ra trong nhà xưởng. Tổng cộng có 3 ballon và 6 túi vải. Các túi vải giống nhau, mỗi túi có đường kính 0,4m và dài 3m.

+ Ngoài ra, hoạt động về lúa sau sấy trước khi giao khách hàng phát sinh bụi. Bụi phát sinh được chụp hút, quạt hút thu gom vào phòng lắng bụi 2 lắng bụi trước khi thoát trong nhà xưởng. **Phòng lắng bụi khô 2** có diện tích khoảng 60 m², cao bình quân 6m, vách tường tôn kín tới mái, mái tôn.

- Tập kết, lưu trữ, bốc dỡ và xuất trấu:

+ Các nhà trấu có vách bằng tường, tôn kín tới mái, có cửa kín, các lỗ thông gió, thông hơi gần mái của nhà trấu được che chắn kín bằng nhiều lớp lưới để hạn chế bụi phát tán.

+ Trấu từ chuyên xay xát được quạt hút thu gom vào ống dẫn kín thổi vào nhà trấu lưu trữ. Chủ cơ sở phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra ống dẫn trấu, vách, cửa nhà chứa trấu để sớm phát hiện xì hở, sửa chữa kịp thời nhằm hạn chế phát tán bụi.

+ Trấu từ nhà trấu được hút bằng máy hút trấu với ống dẫn kín vào thùng/bồn chứa trấu của buồng đốt lò sấy để hạn chế phát tán bụi.

+ Khi bán trấu, trấu từ nhà trấu được vít tải cuốn sang băng tải để vận chuyển xuống ghe, đầu xả trấu có bố trí ống vải (trấu theo ống vải đổ xuống ghe chở trấu) để hạn chế gió cuốn trấu phát tán bụi ra xung quanh. Chủ cơ sở không xuất trấu vào thời điểm gió lớn, nhất là thời điểm hướng gió bay qua sông.

- Xuất gạo thành phẩm, tấm, cám to: Các loại này, Chủ cơ sở không đổ xả mà được chứa trong bao ni lông để tránh ẩm mốc. Để giảm thiểu bụi, khi bốc dỡ bao chứa gạo thành phẩm, cám to, tấm lên băng tải, không bốc mạnh để hạn chế vỡ bao chứa cũng như hạn chế bụi cám phát tán qua các khe lỗ của bao bì ra ngoài môi trường xung quanh.

b. Hoạt động xay xát:

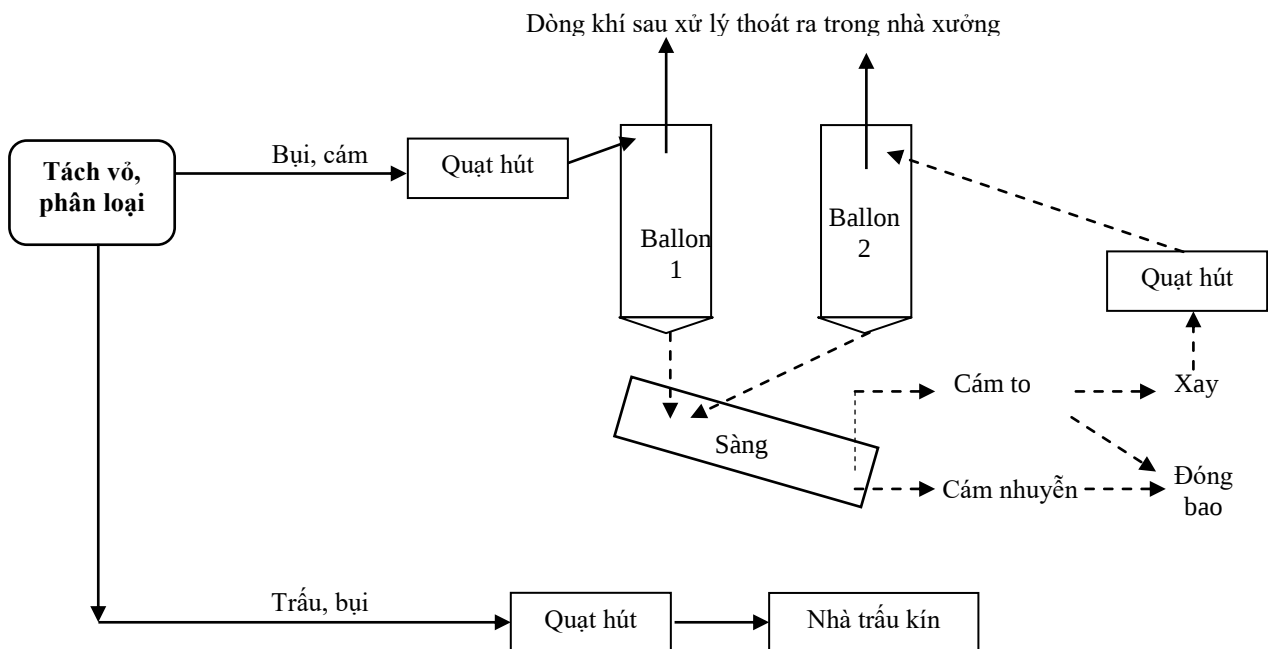
- Bụi tại bồn chứa lúa khô chuyên xay xát: Đầu băng tải xả lúa vào bồn chứa lúa khô chuyên xay xát được đặt sâu vào bồn và bồn này được đầy nắp kín.

- Đối với bụi phát sinh từ công đoạn nạp liệu: Công đoạn nạp liệu, tại nơi xả lúa khô từ bồn chứa lúa khô xuống băng tải hay nơi xả lúa khô từ băng tải chuyển lúa khô từ khu sấy lúa sang chuyên xay xát sẽ phát sinh bụi. Chủ cơ sở đã lắp đặt chụp hút, quạt hút thu gom bụi vào ballon, túi vải lắng, lọc bụi (**Cụm xử lý bụi 5**). Đầu tiên dòng khí vào ballon lắng bụi có kích thước lớn, sau đó vào túi vải lọc bụi có kích thước nhỏ hơn, dòng khí sau lọc bụi qua túi vải thoát ra trong nhà xưởng. Tổng cộng có 1 ballon và 1 túi vải dài 3m, đường kính 0,35m.

- **Đối với bụi phát sinh từ công đoạn sàng tách tạp chất:** Chủ cơ sở đã lắp đặt chụp hút, quạt hút thu gom bụi phát sinh từ công đoạn sàng tách tạp chất vào ballon lắng bụi lần 1 sau đó vào phòng lắng bụi khô 1 để lắng bụi lần 2. Dòng khí sau lắng bụi thoát ra trong nhà xưởng. Ballon này bố trí tại cụm xử lý bụi 2 (ballon a). **Phòng lắng bụi khô 1** có diện tích khoảng 28 m², cao bình quân 4m, vách tôn kín tới mái, mái tôn. Đáy ballon này có túi thu bụi được buộc chắc chắn và kín, cao hơn mực triều cường, đảm bảo không phát sinh bụi ra bên ngoài.

- **Đối với bụi phát sinh từ công đoạn nạp lúa vào gàu tải:** Chủ cơ sở đã lắp đặt chụp hút, quạt hút thu gom bụi phát sinh từ công đoạn nạp lúa sau sàng vào gàu tải vào ballon lắng bụi lần 1 sau đó vào **phòng lắng bụi khô 1** để lắng bụi lần 2. Dòng khí sau lắng bụi thoát ra trong nhà xưởng. Ballon này bố trí tại **cụm xử lý bụi 2** (ballon b). Đáy ballon này có túi thu bụi được buộc chắc chắn và kín, cao hơn mực triều cường, đảm bảo không phát sinh bụi ra bên ngoài.

- **Đối với bụi phát sinh từ hoạt động tách vỏ, đảo và phân loại:** Được thu gom, xử lý như sơ đồ sau:



Thuyết minh: Đối với dòng khí chứa bụi, cám phát sinh từ công đoạn tách vỏ, phân loại được quạt hút thu gom riêng vào ballon 1 lắng tách bụi trước khi thoát vào nhà xưởng. Bụi lắng trong ballon 1 có thành phần là cám, được xả xuống sàng. Tại sàng, cám nhuyễn do có kích thước nhỏ sẽ rơi xuống bên dưới sàng được thu gom riêng, qua gàu tải, vào thùng chứa, sau đó qua cân trước khi được đóng bao; cám to có kích thước lớn hơn nên bị giữ lại trên sàng, được thu gom riêng, qua gàu tải, vào thùng chứa, sau đó qua cân trước khi được đóng bao hoặc qua gàu tải rồi qua máy xay nhỏ trước khi được quạt hút vào ballon 2, rơi xuống sàng tiếp tục quy trình. Dòng khí sau ballon 1 và 2 thoát ra trong nhà xưởng. Quá trình sàng, nạp cám vào gàu tải được thực hiện nhẹ nhàng, quá trình xay được diễn ra trong máy xay kín nên bụi phát sinh tại các công đoạn này rất ít và trong nhà xưởng.

Đối với dòng khí chứa bụi, trấu phát sinh từ công đoạn tách vỏ, đảo và phân loại được quạt hút thu gom riêng, qua ống dẫn kín vào nhà trấu lắng bụi. Nhà trấu được xây dựng với diện tích khoảng 580 m² (gồm nhà trấu 1: 230 m², nhà trấu 2: 350 m²), kết cấu: Móng, khung, cột bê tông cốt thép; vách tường và tôn kín tới mái; mái tôn, có

cửa kín, các lỗ thông gió, thông hơi gần mái của nhà trấu được che chắn kín bằng nhiều lớp lưới để hạn chế bụi phát tán.

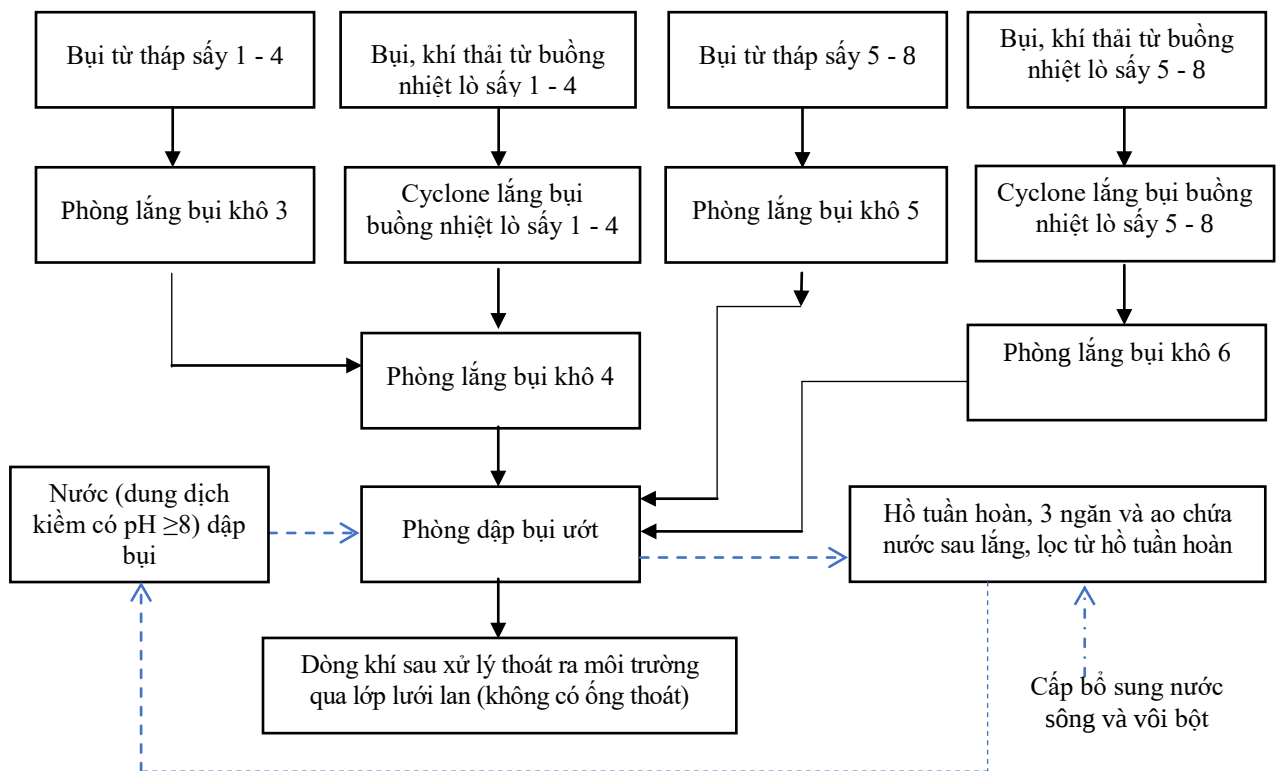
- **Đối với bụi phát sinh từ thùng chứa lúa sau tách vỏ:** Lúa sau tách vỏ được gàu tải xả vào thùng chứa thiết bị phân loại (đảo vò) nên tại thùng chứa này có phát sinh bụi. Do đó, thùng chứa này được đậy kín và có trang bị chụp hút, quạt hút thu gom bụi vào ballon, túi vải lắng, lọc bụi (**Cụm xử lý bụi 4**). Tại đây đầu tiên dòng khí vào ballon lắng bụi có kích thước lớn, sau đó vào túi vải lọc bụi có kích thước nhỏ hơn, dòng khí sau lọc bụi qua túi vải thoát ra trong nhà xưởng. Tổng cộng có 1 ballon và 2 túi vải dài 4m, đường kính 0,35m.

Bụi lắng tại các ballon, túi vải, phòng lắng bụi khô 1 và 2 được định kỳ thu gom vào bao chứa, lưu trữ tại khu tập kết tạp chất, tro hợp đồng đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

c. Hoạt động sấy lúa:

Chủ cơ sở dùng trấu từ nhà trấu cơ sở làm nhiên liệu đốt lò, dùng máy hút trấu với ống dẫn kín đưa trấu từ nhà trấu qua bồn chứa trấu lò sấy nên bụi phát sinh không lớn, bồn trấu lò sấy được che chắn kín để giảm bụi phát tán.

Hoạt động sấy lúa phát sinh 02 nguồn khí thải là: bụi, khí thải từ buồng nhiệt lò sấy và bụi từ tháp sấy. Quy trình xử lý như sau:



Thuyết minh:

+ Bụi phát sinh từ tháp sấy 1 – 4 được thu gom vào **phòng lắng bụi khô 3**, sau đó vào **phòng lắng bụi khô 4** lắng bụi trước khi vào **phòng đập bụi ướt**. Bụi phát sinh từ tháp sấy 5 – 8 được thu gom vào **phòng lắng bụi khô 5** để lắng bụi sau đó vào **phòng đập bụi ướt**.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ buồng nhiệt lò sấy 1 – 4 và 5 - 8 được thu gom vào cyclone lắng bụi, mỗi lò sấy có 1 cyclone riêng (tổng cộng 8 cyclone). Bụi, khí thải sau cyclone lắng bụi của buồng nhiệt lò sấy 1 – 4 sẽ vào **phòng lắng bụi khô 4 để lắng bụi lần 2** sau đó vào **phòng dập bụi ướt**. Bụi, khí thải sau cyclone lắng bụi của buồng nhiệt lò sấy 5 – 8 sẽ vào **phòng lắng bụi khô 6** để tiếp tục lắng bụi sau đó vào **phòng dập bụi ướt**.

+ Tại các phòng lắng bụi khô 3, 4, 5 và 6, bụi trong dòng khí sẽ lắng đọng theo trọng lực, rơi xuống nền tách khỏi dòng khí.

+ Tại các cyclone, khi dòng khí mang bụi vào cyclone, dòng khí sẽ di chuyển đứng tiếp tuyến với thân cyclone, chuyển động xoáy xuống phía dưới trong không gian giữa vỏ cyclone và ống rồng ở giữa thân cyclone, trước khi dòng khí vào ống rồng ở giữa thân cyclone, chuyển động xoáy lên trên và thoát khỏi cyclone.

+ Tại **phòng dập bụi ướt**, chủ cơ sở dùng nước bơm từ ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn phun vào để giảm bụi và một phần khí thải (SO_2 , NO_2 ,...) trong dòng khí. Nước được phun vào phòng dập bụi ướt theo chiều từ trên xuống qua 2 giàn béc phun (giàn 1 cách mái 0,2m, giàn 2 cách mái 0,5m), đảm bảo nước được phun ướt đều diện tích phòng dập bụi ướt. Dòng khí sau xử lý thoát ra môi trường qua lớp lưới lan (không có ống thoát).

Chủ cơ sở đầu tư 1 **hồ tuần hoàn 3 ngăn**, gồm ngăn lắng 1 xây dựng trong phòng dập bụi ướt ($60,4 \text{ m}^3$), ngăn lắng 2 ($42,0 \text{ m}^3$), ngăn lọc (đá 4×6 , $2,0 \text{ m}^3$) và 1 ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn ($52,0 \text{ m}^3$). Khi nước trong ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn không đủ, chủ cơ sở bổ sung thêm nước sông (khoảng $12 \text{ m}^3/\text{ngày}$) để đảm bảo công tác xử lý bụi, khí thải được xuyên suốt thời gian vận hành lò sấy.

Khi bổ sung thêm nước sông vào ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn (khoảng 2 – 3 ngày/lần) chủ cơ sở dùng giấy quỳ kiểm tra pH trong nước ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn, nếu $\text{pH} \geq 8$ sẽ sử dụng tiếp, nếu pH dưới 8 sẽ bổ sung thêm vôi nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý khí thải lò sấy lúa. Lượng vôi sử dụng mỗi lần được xác định bằng cách kiểm tra độ pH qua giấy quỳ, khoảng 10 kg/lần bổ sung, tương đương khoảng $1,0 \text{ tấn/năm}$.

Bụi thu gom từ phòng lắng bụi, từ cyclone có thành phần chủ yếu là tro, lúa lép, lùn, bụi đất,... được định kỳ hàng tuần thu gom, xử lý cùng tạp chất hoặc hợp đồng đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Cặn lắng (bùn) trong hồ tuần hoàn và trong ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn được định kỳ hàng tháng bơm lên vườn liền kề của chủ cơ sở làm phân bón cho cây trồng.

c. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:

- **Hoạt động của các phương tiện giao thông:** Để giảm thiểu ô nhiễm do bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông của khách liên hệ, chủ cơ sở áp dụng các giải pháp sau:

+ Định kỳ vệ sinh đường nội bộ.

+ Các phương tiện ghe, tàu, sà lan khi ra vào xuất nhập hàng hóa tại bến cơ sở, được yêu cầu tắt động cơ để hạn chế khói thải phát sinh ảnh hưởng môi trường và sức khỏe con người.

- **Hoạt động của máy phát điện dự phòng:** Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện để giảm thiểu phương tiện hỏng hóc phát sinh nhiều bụi và khí thải.

- **Hoạt động thu gom, lưu trữ và bốc dỡ tro:**

+ Thu gom, bốc dỡ tro: Tro phát sinh tại khu lò hơi được nhân viên hàng ngày thu gom đóng bao kín, sau đó xuất khỏi cơ sở hoặc tập kết tại khu tập kết tạp chất, tro, cặn lắng hồ tuần hoàn có mái che, vách tường, tôn cách li. Quá trình thu gom, bốc dỡ tro chủ yếu phát sinh bụi ảnh hưởng sức khỏe công nhân nên để giảm thiểu ảnh hưởng chủ cơ sở dùng nước tạo ẩm tro trước khi thu gom và trang bị khẩu trang cho nhân viên thu gom tro sử dụng nhằm giảm bụi ảnh hưởng sức khỏe.

+ Lưu trữ tro: Tro khi phát sinh tại khu lò sấy được thu gom đóng bao kín, sau đó xuất khỏi cơ sở hoặc tập kết tại khu tập kết tạp chất, tro, cặn lắng hồ tuần hoàn có mái che, vách tường, tôn cách li.

- **Các biện pháp hỗ trợ khác:**

+ Định kỳ vệ sinh nhà xưởng, thiết bị, đường nội bộ, hành lang sạch sẽ để đảm bảo mỹ quan và giảm bụi do gió cuốn.

+ Lưu trữ phụ phẩm trong bao chứa và đặt trên kệ gỗ hoặc trên nền xi măng cao để hạn chế ẩm thấp phát sinh mùi hôi.

+ Nguyên liệu lúa khô yêu cầu khách hàng che đậy lúa trên ghe, sà lan khi chờ nhập hàng tại bến cơ sở; khi nhập hàng, yêu cầu khách hàng mở lớp phủ đủ rộng để hút lúa, không mở cùng lúc hết lớp phủ bề mặt để hạn chế rơi vãi xuống sông và phát tán bụi khi nhập lúa.

+ Các đoạn băng tải nhập lúa khô và ướt từ phương tiện vận chuyển đến cân (đối với lúa ướt) hoặc đến bồn chứa lúa chuyên xay xát (đối với lúa khô) được bao che kín để hạn chế rơi vãi, giảm bụi.

+ Vách khu xay xát, khu lò sấy được che chắn kín tới mái bằng tường, tôn. Phía giáp sông Cái Sao có cửa và được đóng kín khi hoạt động.

+ Tạp chất được thu gom đóng bao kín trước khi xuất khỏi cơ sở hoặc tập kết tại khu tập kết tạp chất, tro, cặn lắng hồ tuần hoàn trước khi xuất.

+ Chủ cơ sở cam kết duy trì các biện pháp xử lý bụi, khí thải trong suốt quá trình sản xuất để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng tiêu cực đến người dân khu vực cơ sở.

+ Không nhập nguyên liệu tại thời điểm gió nhiều (nhất là thời điểm hướng gió thổi qua sông).

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Khu vực lò sấy (giữa khu lò sấy).
- Khu vực xay xát (giữa khu xay xát).
- Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông. Tọa độ: X = 1125455, Y = 567323.
- Khu vực lò sấy (giữa khu lò sấy): Tọa độ X=1125265, Y=547598.
- Khu vực xay xát (giữa khu xay xát): Tọa độ X = 1125417, Y = 547361.
- Khu vực đặt máy phát điện dự phòng: Tọa độ: X = 1125352, Y = 567660.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng lịch trình.
- Mỗi năm cơ sở hoạt động tối đa 300 ngày, khi vào vụ chuyên xay xát, lò sấy của cơ sở hoạt động tối đa 3 ca/ngày, các ngày còn lại hoạt động không quá 8 giờ/ngày và thường nghỉ sớm hơn 21 giờ nên tiếng ồn từ hoạt động của chuyên xay xát, lò sấy không ảnh hưởng đáng kể đến sinh hoạt của người dân. Ngoài ra, khu xay xát phía giáp nhà dân đã được xây tường kín tới mái để cách ly nhằm làm giảm tác động của tiếng ồn phát sinh từ nhà máy đến người dân.
- Khu lò sấy cách xa nhà dân và vách phía vườn nhà dân cũng được xây tường kín tới mái nên hoạt động của cơ sở không ảnh hưởng đáng kể đến sinh hoạt của người dân.
- Ngoài ra, chủ cơ sở còn thường xuyên nhắc nhở khách hàng giữ gìn trật tự sau 21 giờ tối hôm trước đến 5 giờ sáng hôm sau. Đồng thời, nhắc nhở khách liên hệ không bấm còi, rú ga động cơ ghe, sà lan, xe trong thời gian này. Máy móc, thiết bị

của chuyền xay xát, sấy lúa được gia cố chắc chắn bằng nền bê tông cốt thép cứng để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Gia cố chắc chắn nền móng đặt dây chuyền xay xát, quạt lò sấy để giảm thiểu cường độ rung do hoạt động của thiết bị.

- Phân công nhân viên thường xuyên theo dõi tác động do rung động từ cơ sở gây ra cho các công trình lân cận, kể cả nhà dân để có hướng giải quyết kịp thời.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bóng đèn led thải)	Rắn	16 01 13	2
3	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt thải)	Rắn	18 02 01	5
4	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	5
5	Bao bì nhựa cứng thải (thùng chứa dầu, nhớt, mỡ bò thải)	Rắn	18 01 03	2
Tổng cộng				15

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Nguồn gốc	Khối lượng (kg/năm)
1	Tạp chất (cát, đá, sạn, sỏi, dây ni lông,...) (khoảng 0,01% lượng lúa)	Tách tạp chất khi xay xát, sấy lúa, lau bóng	88
2	Tro trấu (khoảng 10% lượng trấu đốt)	Vận hành lò sấy	576.000
3	Bao bì hư hỏng và kém chất lượng (ni lông)	Chứa nguyên liệu, sản phẩm	150
4	Giấy, nhựa, gỗ, kim loại	Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	150
5	Trấu, bụi tro, bụi cám, bụi đất cát,...	Hoạt động vệ sinh nhà xưởng	250
6	Bụi khô (cám, đất cát, đuôi lúa,...)	Xử lý bụi chuyển xay xát, xuất nhập lúa	2.500
7	Cặn lắng từ hồ tuần hoàn, ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn	Xử lý bụi, khí thải lò sấy	3.500
8	Trấu	Xay xát	8.000.000
Tổng cộng			8.582.638

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 4,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 5 thùng nhựa, gồm 4 thùng 20 lít/1 thùng và 1 thùng 45 lít.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho: 08 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Khung cột bê tông cốt thép, nền bê tông, vách tôn, mái tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tạp chất, tro trấu, bụi tro, bụi cám, bụi đất cát, đuôi lúa,...: Chủ cơ sở phân công nhân viên thu gom đóng bao kín, lưu trữ tại khu tập kết tạp chất, tro, cặn lắng hồ tuần hoàn.

- Bao bì hư hỏng và kém chất lượng, giấy, nhựa, gỗ, kim loại: Được thu gom riêng vào kho phế liệu.

- Trấu được thu gom vào nhà trấu 1 và 2, sử dụng đốt lò sấy tại cơ sở (khoảng 5.760.000 kg/năm), phần còn lại (khoảng 2.240.000 kg/năm) được định kỳ bán cho người dân làm phân bón, phục vụ chăn nuôi hoặc bán cho cơ sở sản xuất khác làm nhiên liệu đốt hoặc hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Cặn lắng (bùn) trong hồ tuần hoàn và trong ao chứa nước sau lắng, lọc từ hồ tuần hoàn được định kỳ hàng tháng bơm lên vườn liền kề của chủ cơ sở làm phân bón cho cây trồng.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (*chất thải rắn sản xuất*):

- Khu tập kết tạp chất, tro, cặn lắng hồ tuần hoàn:

+ Diện tích kho: 32 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Khung, cột bằng bê tông cốt thép và thép; vách có 3 mặt (giáp khu lò sấy, giáp vườn dân và mặt quay ra đường nhựa liên ấp) bằng tường, tôn kín tới mái, mặt còn lại (quay về đường nội bộ của cơ sở) để trống; mái tôn; nền xi măng.

- Kho phế liệu:

+ Diện tích 20 m².

+ Kết cấu: Khung, cột bằng bê tông cốt thép và thép, vách tường và tôn; mái tôn; nền xi măng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 3 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, thể tích 20 lít/thùng.

2.3.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa (khu vực để thùng chứa rác): $1,5m^2$
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền xi măng, mái tôn.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

- Để đảm bảo an toàn trong sản xuất, phòng tránh sự cố cháy nổ có thể xảy ra, chủ cơ sở trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy đúng theo quy định của phòng cảnh sát PCCC như nội quy PCCC, bình PCCC, tiêu lệnh chữa cháy...
- Chủ cơ sở thành lập riêng đội Phòng cháy chữa cháy và tập huấn thường xuyên và có kế hoạch diễn tập theo quy định.
- Định kỳ vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất.
- Bố trí hệ thống dẫn điện hợp lý, dây điện được đi trong ống nhựa, bảng điện được lắp đặt phù hợp tầm sử dụng. Chủ cơ sở phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra ổ cắm điện và thay mới khi phát hiện có dấu hiệu hư hỏng nhằm hạn chế tối đa rò rỉ điện và sự cố có thể xảy ra.
- Tro được để nguội tự nhiên tại nơi phát sinh trước khi thu gom vào nhà chứa tro để hạn chế lửa cháy lan, khó khống chế khi phát sinh sự cố.
- Gắn bảng cấm sử dụng lửa khi vào nhà chứa trấu.
- Ngoài ra, chủ cơ sở còn bố trí hệ thống kim thu sét trên mái xưởng để phòng chống sét.

2. Sạt lở bờ sông: Để giảm thiểu sạt lở bờ sông chủ cơ sở đã xây kè bê tông kiên cố, kè có chiều dài khoảng 75m. Ngoài ra, vào đầu mùa lũ, cơ sở sẽ phân công nhân viên thường xuyên theo dõi tình trạng bờ kè để sớm phát hiện hư hỏng, rạn nứt gia cố kịp thời.